

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 177/BC-ĐVTDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 10 tháng 2 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI
CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022**

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-ĐVTDT ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc “Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên năm học 2021-2022” của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Căn cứ kết quả khảo sát trực tuyến lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I, năm học 2021-2022.

1. Mục đích khảo sát

Kết quả khảo sát từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên là nguồn dữ liệu để lãnh đạo nhà Trường và các Khoa xem xét, đánh giá và đề ra các biện pháp nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy của giảng viên, điều chỉnh chương trình đào tạo góp phần cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của nhà trường; tạo thêm kênh thông tin để giúp giảng viên có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy và nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

Góp phần thực hiện công tác kiểm định đánh giá chất lượng trong nhà trường.

2. Nội dung khảo sát

Gồm 6 nội dung chính (với 22 tiêu chí đánh giá):

- Thông tin môn học và tài liệu phục vụ giảng dạy
- Nội dung giảng dạy
- Phương pháp giảng dạy
- Hoạt động giảng dạy
- Công tác kiểm tra, đánh giá sinh viên



- Cảm nhận về môn học

- Phản hồi khác

3. Phương pháp khảo sát: Trực tuyến

4. Kết quả khảo sát

Tổng số phiếu khảo sát thu về: 2566 phiếu. Kết quả khảo sát có 2377 phiếu hợp lệ. Trong đó chỉ lấy số liệu 2193 phiếu đối với những học phần có từ 4 phiếu đánh hợp lệ trở lên để đảm bảo tính khách quan.

Học kỳ I, năm học 2021-2022 có 116 Giảng viên tham gia Giảng dạy. Kết quả khảo sát có 85 Giảng viên nhận được phiếu đánh giá hợp lệ. Trong đó 31 trường hợp Giảng viên không nhận được phiếu đánh giá hoặc số phiếu đánh giá từng học phần dưới 4 phiếu, không đảm bảo tính khách quan của khảo sát nên không đưa vào báo cáo.

Đại học chính quy: 1.602 phiếu Đạt tỉ lệ 62,4%

Đại học liên thông chính quy: 818 phiếu Đạt tỉ lệ 31,9%

Đại học Vừa học vừa làm: 39 phiếu Đạt tỉ lệ 1,5 %

Trung cấp năng khiếu: 107 phiếu Đạt tỉ lệ 4,2 %

4.1. Số lượng phiếu khảo sát trực tuyến tổng hợp theo Khoa, ngành học.

TT	Khoa	Ngành	Số phiếu	Tỉ lệ	Ghi chú
1	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	806	31,41%	
2	Sư phạm Nghệ thuật	Sư phạm Âm nhạc	381	14,85%	
		Sư phạm Mỹ thuật	232	9,04%	
3	Âm nhạc	Thanh nhạc	36	1,40%	
		TC Thanh nhạc	80	3,12%	
		TC Nhạc cụ	24	0,94%	
4	GDĐC&NNA	Ngôn ngữ Anh	78	3,04%	
5	Luật&QLNN	Luật	167	6,51%	

DANH SÁCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
THÀNH

		Quản lý Nhà nước	175	6,82%	
6	Thể dục Thể thao	Quản lý Thể dục Thể thao	22	0,86%	
7	Du lịch	Du lịch	50	1,95%	
		QT DV, DL&LH	53	2,07%	
		Quản trị Khách sạn	289	11,26%	
8	Mỹ Thuật	Thiết kế Đồ họa	45	1,75%	
		Thiết kế Thời trang	07	0,27%	
9	Văn hóa Thông tin	Thông tin Thư viện	50	1,95%	
		Quản lý Văn hóa	44	1,71%	
		Công tác Xã hội	26	1,01%	
		Công nghệ Truyền thông	01	0,04%	
		Tổng:	2566	100,00%	

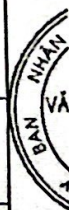
4.2. Tổng hợp kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên qua câu hỏi.

TT	Giảng Viên	Học Phần	Số phiếu đánh giá	Kết quả khảo sát qua câu hỏi					Ghi chú
				Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý	Tương đối đồng ý	Không đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý	
1	Trần Việt Anh	Nghệ thuật học đại cương	7	64.29%	26.62%	9.09%	0.00%	0.00%	
		Luật xa gần	9	78.79%	16.67%	4.55%	0.00%	0.00%	
2	Nguyễn Thị Hồng Anh	Giáo dục hòa nhập	15	73.33%	26.67%	0.00%	0.00%	0.00%	

		Giáo dục trẻ tự kỉ	11	55.79%	42.56%	1.65%	0.00%	0.00%	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Luật kinh tế	4	25.00%	59.09%	15.91%	0.00%	0.00%	
		Luật lao động	11	72.73%	26.86%	0.41%	0.00%	0.00%	
		Pháp luật đại cương	78	67.25%	30.89%	1.63%	0.24%	0.00%	
4	Tào Ngọc Biên	Tin học đại cương	68	65.57%	32.02%	2.21%	0.20%	0.00%	
5	Hoàng Thanh Bình	Tiếng việt thực hành	15	76.06%	20.00%	3.64%	0.30%	0.00%	
6	Lê Thị Bưởi	Kinh tế du lịch	29	51.25%	42.32%	6.43%	0.00%	0.00%	
		Quản trị nhà hàng	23	31.03%	64.03%	4.94%	0.00%	0.00%	
7	Hoàng Anh Công	Cơ sở công nghệ thông tin	8	73.86%	26.14%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tin học đại cương	35	67.53%	26.36%	5.19%	0.91%	0.00%	
		Ứng dụng tin học vào hoạt động quản lý	14	69.48%	29.87%	0.65%	0.00%	0.00%	
8	Trịnh Tất Đạt	Tổ chức và quản lý hoạt động Thông tin-Thư viện	7	70.13%	29.87%	0.00%	0.00%	0.00%	
9	Phạm Ngọc Đình	Kỹ xướng âm	16	92.05%	5.97%	1.99%	0.00%	0.00%	

		Kỹ xướng âm 1	8	50.57%	49.43%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Nhạc khí phổ thông	4	6.82%	89.77%	3.41%	0.00%	0.00%	
10	Mai Đông	Đàn Organ (HP cơ bản)	10	71.36%	26.82%	1.82%	0.00%	0.00%	
		Nhạc cụ	20	70.91%	29.09%	0.00%	0.00%	0.00%	
11	Lê Thị Dung	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	54	62.54%	35.69%	1.68%	0.08%	0.00%	
12	Đoàn Tiến Dũng	Nhập môn sáng tác	6	56.82%	43.18%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Kỹ xướng âm	11	75.62%	21.49%	0.00%	2.89%	0.00%	
13	Lê Thị Dương	Công tác văn thư lưu trữ	10	88.64%	11.36%	0.00%	0.00%	0.00%	
14	Nguyễn Thị Hà	Phương pháp nghiên cứu khoa học	36	48.48%	46.84%	4.42%	0.25%	0.00%	
15	Trần Nhật Hải	Marketing	10	26.82%	62.73%	4.55%	2.73%	3.18%	
16	Lê Đình Hải	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	7	56.49%	42.21%	1.30%	0.00%	0.00%	
		Kinh tế chính trị	18	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Triết học Mac-Lênin	99	65.75%	30.85%	2.71%	0.69%	0.00%	

17	Đặng Thế Hanh	Giáo dục Thể chất	29	64.11%	35.42%	0.31%	0.16%	0.00%	
18	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ngữ âm- Âm vị học	4	15.91%	76.14%	6.82%	1.14%	0.00%	
		Ngoại ngữ 1	30	43.18%	30.45%	23.64%	2.73%	0.00%	
19	Bùi Thị Hậu	Tiến trình lịch sử Việt Nam	5	100.00 %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
20	Ninh Quang Hung	Thanh nhạc	16	73.30%	26.70%	0.00%	0.00%	0.00%	
21	Nguyễn Thị Thương Hiền	Ngoại ngữ	12	91.67%	8.33%	0.00%	0.00%	0.00%	
22	Phạm Thị Hoàng Hiền	Thanh nhạc	7	85.71%	14.29%	0.00%	0.00%	0.00%	
23	Hoàng Đình Hiển	Thủ tục hành chính	18	86.87%	13.13%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Pháp luật đại cương	7	72.73%	22.73%	4.55%	0.00%	0.00%	
24	Lê Đình Hồng	Bệnh học trẻ em	10	75.00%	24.55%	0.45%	0.00%	0.00%	
25	Nguyễn Thị Hồng Anh	Nghiệp vụ sư phạm 2	4	59.09%	40.91%	0.00%	0.00%	0.00%	
26	Hoàng Thị Huệ	Tiếng anh chuyên ngành 2	22	33.88%	56.82%	8.88%	0.41%	0.00%	
		Ngôn ngữ học đối chiếu	4	53.41%	43.18%	3.41%	0.00%	0.00%	
27	Phạm Cẩm Hùng	Phương pháp giáo dục thể chất cho	13	82.69%	17.31%	0.00%	0.00%	0.00%	



		trẻ mầm non							
28	Lê Thị Hương	Văn hóa giao tiếp	37	65.48%	33.29%	1.23%	0.00%	0.00%	
29	Tô Thị Hương	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	10	53.64%	41.36%	4.55%	0.45%	0.00%	
30	Nguyễn Thị Hương	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	24	77.46%	20.64%	1.70%	0.19%	0.00%	
31	Vi Minh Huy	Phương pháp dạy học âm nhạc	8	98.30%	1.14%	0.57%	0.00%	0.00%	
		Hòa Âm	22	77.89%	21.69%	0.00%	0.21%	0.21%	
		Lý thuyết âm nhạc	36	73.23%	22.10%	4.42%	0.25%	0.00%	
		Kỹ xướng âm	21	47.84%	45.67%	5.63%	0.87%	0.00%	
32	Trịnh Thị Thúy Khuyên	Thanh nhạc	5	95.45%	4.55%	0.00%	0.00%	0.00%	
33	Vũ Thị Huyền	Múa và Phương pháp biên đạo múa cho trẻ mầm non	10	62.73%	29.09%	8.18%	0.00%	0.00%	
34	Đỗ Thị Lam	Thanh nhạc	4	50.00%	50.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
35	Nguyễn Thị Hồng Lê	Giao tiếp giao văn	4	79.55%	11.36%	9.09%	0.00%	0.00%	

		hóa							
36	Nguyễn Hoàng Linh	Bố cục 6	7	85.71%	14.29%	0.00%	0.00%	0.00%	
37	Lê Thị Thảo Linh	Hành chính công	7	100.00 %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
38	Lê Mai Ly	Thanh nhạc	6	100.00 %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
39	Đinh Thị Mơ	Giáo dục hòa nhập	36	83.71%	15.66%	0.51%	0.13%	0.00%	
40	Lưu Vũ Nam	Ứng dụng công nghệ thông tin trong GDMN	28	79.55%	20.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
41	Bùi Thị Ngoan	Thiết kế logo	5	60.00%	20.00%	9.09%	8.18%	2.73%	
42	Lê Thị Ngọc	Kinh tế Vi mô	20	58.86%	40.23%	0.91%	0.00%	0.00%	
43	Lê Quốc Nguyên	Ngoại ngữ	22	61.78%	37.40%	0.62%	0.21%	0.00%	
44	Nguyễn Thị Nhung	Thư viện trường học	7	84.42%	15.58%	0.00%	0.00%	0.00%	
45	Vũ Thị Hoàng Oanh	Lịch sử đảng cộng sản việt nam	17	70.05%	26.20%	3.74%	0.00%	0.00%	
46	Hoàng Kim Oanh	Tiếng việt thực hành	60	63.64%	33.03%	3.18%	0.15%	0.00%	
47	Trần Thị Oanh	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho	19	69.86%	30.14%	0.00%	0.00%	0.00%	

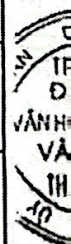
11 / 10 TH L H C

		trẻ em							
		Nghiệp vụ sư phạm	7	69.93%	28.76%	1.31%	0.00%	0.00%	
48	Phùng Thị Thúy Phương	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	4	94.32%	5.68%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thông kê học	21	59.35%	39.57%	1.08%	0.00%	0.00%	
49	Trịnh Xuân Phương	Du lịch Văn hóa	6	65.91%	28.79%	5.30%	0.00%	0.00%	
50	Nguyễn Thị Phượng	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	4	85.23%	14.77%	0.00%	0.00%	0.00%	
51	Trần Xuân Quang	Bố cục 3	13	77.97%	22.03%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 1	17	78.34%	21.66%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hình họa 4	5	74.55%	21.82%	3.64%	0.00%	0.00%	
52	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Hướng dẫn du lịch	5	40.00%	60.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
53	Nguyễn Như Sơn	Xây dựng văn bản pháp luật	14	58.44%	37.99%	3.25%	0.32%	0.00%	
54	Lê Xuân Sơn	Lịch sử văn minh thế giới	14	63.31%	35.06%	1.62%	0.00%	0.00%	

55	Đặng Thanh Tăng	Nhạc cụ	12	61.74%	38.26%	0.00%	0.00%	0.00%	
56	Nguyễn Thanh Tâm	Giáo dục thể chất	22	68.39%	31.61%	0.00%	0.00%	0.00%	
57	Phan Hồng Thái	Giáo dục thể chất	8	30.11%	69.89%	0.00%	0.00%	0.00%	
58	Nguyễn Thị Thái	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	17	75.40%	24.33%	0.00%	0.27%	0.00%	
		Văn hóa gia đình	7	74.03%	25.97%	0.00%	0.00%	0.00%	
59	Đỗ Mạnh Thắng	Nhạc cụ	8	97.73%	2.27%	0.00%	0.00%	0.00%	
60	Phạm Văn Thắng	Hình họa 1	14	93.51%	6.49%	0.00%	0.00%	0.00%	
61	Lê Thị Thanh	Bố cục 6	6	100.00 %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp dạy học Mỹ Thuật	4	59.09%	40.91%	0.00%	0.00%	0.00%	
62	Lê Bá Thành	Tâm lý khách du lịch	25	51.27%	43.64%	5.09%	0.00%	0.00%	
63	Nguyễn Tiến Thành	HÌNH THỨC ÂM NHẠC	5	100.00 %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lịch sử âm nhạc phương tây	21	50.00%	44.16%	5.84%	0.00%	0.00%	

		Phân tích tác phẩm	5	64.55%	35.45%	0.00%	0.00%	0.00%	
64	Hoàng Thị Thảo	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	36	59.09%	40.78%	0.13%	0.00%	0.00%	
		Triết học Mac-Lênin	26	74.65%	24.65%	0.52%	0.17%	0.00%	
65	Tào Thị Thu Thảo	Biên dịch	4	50.00%	36.36%	13.64%	0.00%	0.00%	
		Ngoại ngữ 1	51	74.06%	25.31%	0.62%	0.00%	0.00%	
66	Bùi Thị Thu	Thanh nhạc	6	85.61%	14.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
67	Hà Diệu Thu Thảo	Luật hình sự	25	86.36%	13.64%	0.00%	0.00%	0.00%	
68	Ngô Phương Thúy	Quản trị chiến lược	28	49.35%	49.68%	0.97%	0.00%	0.00%	
69	Vũ Thị Thùy	Lịch sử đảng cộng sản việt nam	32	73.44%	24.57%	1.85%	0.14%	0.00%	
70	Bùi Đặng Thu Thúy	Tư pháp quốc tế	15	74.55%	23.33%	2.12%	0.00%	0.00%	
		Luật tố tụng hình sự	18	80.81%	19.19%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Lý luận nhà nước về pháp luật	14	85.39%	14.61%	0.00%	0.00%	0.00%	
71	Phạm Đức Thịnh	Thanh nhạc	4	95.45%	4.55%	0.00%	0.00%	0.00%	

72	Tạ Thị Thùy	Đạo đức công vụ	14	73.38%	26.62%	0.00%	0.00%	0.00%	
73	Dương Đình Tiến	Giáo dục Thể chất	63	69.19%	29.94%	0.87%	0.00%	0.00%	
74	Trần Tiến	Quản trị dịch vụ	22	49.38%	41.94%	8.68%	0.00%	0.00%	
75	Lê Văn Tĩnh	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	13	47.90%	50.35%	1.40%	0.35%	0.00%	
76	Lê Thị Thu Trang	Hát Dân ca	6	16.67%	83.33%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Thanh nhạc	4	62.50%	37.50%	0.00%	0.00%	0.00%	
77	Nguyễn Thị Thu Trang	Quản lý nhà nước về hành chính tư pháp	20	77.27%	22.73%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Hiến pháp và tổ chức bộ máy nhà nước	22	85.12%	14.88%	0.00%	0.00%	0.00%	
78	Nguyễn Phi Trường	Cơ sở tạo hình 3	5	59.09%	20.91%	13.64%	6.36%	0.00%	
		Đồ họa vi tính	4	92.05%	7.95%	0.00%	0.00%	0.00%	
79	Đoàn Văn Trường	Chính sách an sinh xã hội	5	100.00 %	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Quản lý	8	85.23%	14.77%	0.00%	0.00%	0.00%	



		nhà nước về nông nghiệp nông thôn							
		Xã hội học đại cương	5	53.64%	46.36%	0.00%	0.00%	0.00%	
80	Lã Thị Tuyên	Giáo dục học đại cương	19	94.50%	5.26%	0.00%	0.24%	0.00%	
		Giáo dục học mầm non	25	85.64%	13.82%	0.55%	0.00%	0.00%	
81	Lê Minh Tuyết	Thanh nhạc	5	42.73%	51.82%	2.73%	1.82%	0.91%	
82	Trần Xuân Tý	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	13	53.50%	37.06%	9.09%	0.35%	0.00%	
		Trang trí	7	41.56%	42.86%	1.30%	0.00%	14.29%	
83	Mai Thị Thanh Vân	Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	4	55.68%	39.77%	4.55%	0.00%	0.00%	
		Tâm lý học đại cương	49	69.94%	27.46%	2.50%	0.09%	0.00%	
		Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học	10	94.55%	5.45%	0.00%	0.00%	0.00%	

		sư phạm							
84	Trần Thị Vân	Nghề giáo viên mầm non	10	87.61%	12.39%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	42	71.86%	27.71%	0.43%	0.00%	0.00%	
		Sự phát triển tâm lý trẻ em	4	95.45%	4.55%	0.00%	0.00%	0.00%	
		Tâm lý học đại cương	14	60.71%	34.42%	4.55%	0.32%	0.00%	
		Tâm lý học lứa tuổi mầm non	14	68.51%	30.84%	0.65%	0.00%	0.00%	
85	Mai Anh Vũ	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	15	81.82%	17.27%	0.91%	0.00%	0.00%	
		Quản trị học	9	66.16%	33.84%	0.00%	0.00%	0.00%	
	Tổng		2193	68.13%	29.36%	2.22%	0.22%	0.07%	

7. Kết luận

Công tác lấy phiếu phản hồi của người học về đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên đạt kết quả tốt, với 22 tiêu chí được xây dựng trong phiếu khảo sát đã phản ánh đầy đủ hoạt động giảng dạy của đội ngũ giảng viên trong nhà trường.

Giúp cải thiện chất lượng giảng dạy của giảng viên, đặc biệt giúp các giảng viên xem xét đánh giá lại phương pháp giảng dạy của mình.

Thông qua kết quả lấy phiếu phản hồi thấy rằng một số sinh viên chưa thực hiện đánh giá toàn bộ các học phần của học kỳ I, năm học 2021-2022.

8. Kiến nghị

- Đối với các Khoa: Đề nghị lãnh đạo các Khoa căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học tổ chức hoạt động cải thiện, rút kinh nghiệm đến toàn thể cán bộ giảng viên,

- Đối với các Phòng, Trung tâm: Đề nghị lãnh đạo các Phòng, Trung tâm có liên quan căn cứ ý kiến khác để xem xét, lựa chọn và đưa ra các biện pháp cải thiện cho phù hợp.

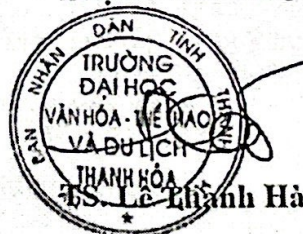
- Đối với giảng viên: Căn cứ kết quả đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học, các giảng viên xem xét, rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm để nâng cao chất lượng giảng dạy trong học kỳ II, năm học 2021 - 2022 và các năm học tiếp theo.

Trên đây là báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của Giảng viên học kỳ I, năm học 2021-2022. Đề nghị các đơn vị liên quan xem xét và đưa ra giải pháp khắc phục, cải thiện, nâng cao chất lượng giảng dạy của Giảng viên Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Các Khoa đào tạo (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.CTCT-HSSV; P.KT-ĐBCL; P.QLĐT

HIỆU TRƯỞNG



PHIẾU KHẢO SÁT
LẤY Ý KIẾN NGƯỜI HỌC ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GV
KHI KẾT THÚC MÔN HỌC. HỌC KỲ I NĂM HỌC 2020-2021

Nhằm thu thập ý kiến của người học để đánh giá và cải tiến chất lượng giảng dạy trong Nhà trường, Anh/Chị vui lòng thực hiện bảng câu hỏi dưới đây. Mỗi ý kiến của Anh/Chị là sự đóng góp rất lớn cho việc nâng cao chất lượng cho Nhà trường.

*** THÔNG TIN KHẢO SÁT**

Học phần:.....; Giảng viên dạy:

Lớp:.....; Khóa học:

Trình độ, hình thức đào tạo: Đại học chính quy ☐ Đại học liên thông chính quy ☐
Đại học liên thông VLVH ☐

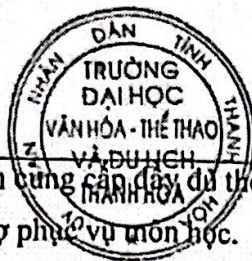
A. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Tô kín hoặc đánh dấu X vào ô tương ứng với mức độ đồng ý/không đồng ý của bạn:

① Hoàn toàn đồng ý, ② Đồng ý, ③ Tương đối đồng ý

④ Không đồng ý ⑤ Hoàn toàn không đồng ý

TT	Nội dung khảo sát	Mức đồng ý
THÔNG TIN MÔN HỌC VÀ TÀI LIỆU PHỤC VỤ GIẢNG DẠY		
1	Anh/Chị được thông tin rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu môn học.	① ② ③ ④ ⑤
2	Anh/Chị được giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về lịch trình/kế hoạch giảng dạy và tiêu chí đánh giá kết quả học tập.	① ② ③ ④ ⑤



3	Anh/Chị được giảng viên cung cấp đầy đủ thông tin về tài liệu học tập và các phương tiện hỗ trợ phục vụ môn học.	① ② ③ ④ ⑤
NỘI DUNG GIẢNG DẠY		
4	Nội dung giảng dạy được cập nhật, đổi mới.	① ② ③ ④ ⑤
5	Nội dung giảng dạy thiết thực, hữu ích.	① ② ③ ④ ⑤
6	Nội dung giảng dạy phù hợp với môn học, vừa sức đối với anh/chị.	① ② ③ ④ ⑤
PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY		
7	Giảng viên trình bày nội dung bài giảng rõ ràng và dễ hiểu	① ② ③ ④ ⑤
8	Giảng viên sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	① ② ③ ④ ⑤
9	Giảng viên khuyến khích sinh viên phát biểu hoặc đặt câu hỏi trong giờ học	① ② ③ ④ ⑤
10	Giảng viên khuyến khích các hoạt động hợp tác theo nhóm.	① ② ③ ④ ⑤
HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY		
11	Đảm bảo đúng thời gian lên lớp, kỷ cương trong giờ giảng; dạy đủ số giờ của học phần theo quy định	① ② ③ ④ ⑤
12	Tác phong chuẩn mực, xử sự đúng mực với người học.	① ② ③ ④ ⑤
13	Giảng viên nhiệt tình và có trách nhiệm trong giảng dạy.	① ② ③ ④ ⑤
14	Giảng viên có kiến thức sâu rộng về môn học.	① ② ③ ④ ⑤
15	Giảng viên sẵn sàng giải đáp những thắc mắc của anh/chị liên quan đến môn học.	① ② ③ ④ ⑤
16	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học hiện có trong phòng học (bảng, máy chiếu,...).	① ② ③ ④ ⑤
17	Giảng viên quan tâm đến phát triển kỹ năng diễn đạt và tư duy logic của anh/chị.	① ② ③ ④ ⑤
CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ SINH VIÊN		



18	Giảng viên sử dụng các tình huống kiểm tra đánh giá kết quả học tập khác nhau để tăng độ chính xác trong đánh giá.	① ② ③ ④ ⑤
19	Việc đánh giá được thực hiện công bằng và phản ánh đúng năng lực của anh/chị.	① ② ③ ④ ⑤
CẢM NHẬN VỀ MÔN HỌC		
20	Tiếp thu hiệu quả nội dung môn học qua giảng dạy của giảng viên.	① ② ③ ④ ⑤
21	Môn học giúp anh/chị hình thành, phát triển thế giới quan, phương pháp luận khoa học, kiến thức và kỹ năng cần thiết cho chuyên môn, nghiệp vụ và thực tiễn cuộc sống.	① ② ③ ④ ⑤
22	Anh/chị thích được học môn học này do giảng viên giảng dạy.	① ② ③ ④ ⑤

B. PHẢN HỒI KHÁC VỀ GIẢNG VIÊN (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

CẢM ƠN SỰ HỢP TÁC CỦA ANH/CHỊ!